

## PHỤ LỤC I

### DỰ KIẾN TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

Số TT	Nguồn vốn đầu tư công	Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của tỉnh Khánh Hòa	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>139.652.847</b>	
<b>1</b>	<b>Nguồn vốn ngân sách địa phương</b>	<b>75.974.508</b>	
1.1	Nguồn XDCB tập trung	28.426.749	
-	Cấp tỉnh quản lý	19.898.724	
-	Cấp xã quản lý	8.528.025	
1.2	Nguồn cấp quyền sử dụng đất	40.460.000	
-	Cấp tỉnh quản lý	35.460.000	
-	Cấp xã quản lý	5.000.000	
1.3	Nguồn vốn XSKT	2.630.000	
1.4	Nguồn bồi chi ngân sách địa phương	4.457.759	
<b>2</b>	<b>Nguồn theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội</b>	<b>340.000</b>	
-	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT Vân Phong	140.000	
-	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	200.000	
<b>3</b>	<b>Nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài</b>	<b>5.223.082</b>	
-	Cấp phát từ NSTW	5.223.082	
<b>4</b>	<b>Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (vốn trong nước)</b>	<b>58.115.257</b>	
	Trong đó:		

Số TT	Nguồn vốn đầu tư công	Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của tỉnh Khánh Hòa	Ghi chú
-	Vốn Trung ương hỗ trợ theo ngành, lĩnh vực	55.873.257	
-	Vốn Trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	2.242.000	

**PHỤ LỤC II**

**DỰ KIẾN DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của HĐND tỉnh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030								Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSĐP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSĐP	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
	<b>TỔNG SỐ</b>									139.652.847	71.516.749	4.966.300	53.148.957	5.223.082	4.457.759	140.000	200.000		
A	<b>NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ</b>									126.124.822	57.988.724	4.966.300	53.148.957	5.223.082	4.457.759	140.000	200.000		
A.1	Trả nợ vốn vay									400.000	400.000								
A.2	Vốn chuẩn bị đầu tư									200.000	200.000								
A.3	Vốn thực hiện đầu tư									125.524.822	57.388.724	4.966.300	53.148.957	5.223.082	4.457.759	140.000	200.000		
I	<b>Các Chương trình MTQG</b>									4.132.000	1.890.000		2.242.000	0	0	0	0		
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững									2.332.000	1.540.000		792.000						
2	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi									1.000.000	50.000		950.000						
3	Chương trình MTQG về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 – 2035									800.000	300.000		500.000						
II	<b>Danh mục dự án sử dụng nguồn vốn ODA</b>									12.846.127	3.165.286			5.223.082	4.457.759	0	0		
a	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>									1.319.202	263.325			762.425	293.452	0	0		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
1	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - Tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2021-2025	529/QĐ-UBND ngày 05/3/2021; 2997/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	1333/QĐ-UBND ngày 20/5/2021; 498/QĐ-UBND ngày 23/02/2024	66.009	9.260	56.749	61.625	4.384	4.384							
2	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bắc Ái, Ninh Sơn, Thuận Bắc, Ninh Hải	2021-2026	738/QĐ-TTg ngày 20/5/2021	945/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	143.156	20.816	122.340	110.898	31.765	16.430		15.335					
3	Chống hạn, xói lở, ngập lụt thích ứng biến đổi khí hậu cho 4 tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên - Tiểu dự án Ninh Thuận.	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa		2024-2027	19/NQ-HĐND 30/5/2024	137/QĐ-UBND 07/02/2025	945.279	213.120	Cấp phát: 387.693 trđ; Vay lại: 344.466 trđ	105.577	839.702	183.343		387.693	268.666				
4	Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ tỉnh Ninh Thuận	Ban chuẩn bị dự án Tam nông giai đoạn 2		2024-2027	58/NQ-HĐND 14/12/2023	1705/QĐ-UBND 24/12/2024 368/QĐ-UBND 20/3/2025 478/QĐ-UBND 15/4/2025	475.519	66.848	Cấp phát: 359.397 trđ; Vay lại: 24.786 trđ	7.430	443.351	59.168		359.397	24.786				
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</b>										<b>11.526.925</b>	<b>2.901.961</b>	<b>0</b>	<b>4.460.657</b>	<b>4.164.307</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Quản lý Tổng hợp môi trường nước Ninh Thuận	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa					6.991.000			3.917	6.987.000	1.450.000		2.768.500	2.768.500				
2	Cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2- Hợp phần Ninh Thuận	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa					1.493.302				1.493.302	462.809		527.413	503.080				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
3	Cải thiện hạ tầng môi trường và Giảm nhẹ biến đổi khí hậu khu vực Ninh Chữ, Ninh Phước và Ninh Sơn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa					1.306.705			1.306.705	550.255		452.055	304.395					
4	Đầu tư Mua sắm trang thiết bị y tế tại Bệnh viện đa khoa Ninh Thuận						286.570			286.570	25.938		130.316	130.316					
5	Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam, giai đoạn 1	Sở Nông nghiệp và Môi trường					153.349			153.348	37.959		107.373	8.016					
6	Thu gom và xử lý nước thải khu vực Nha Trang và Cam Ranh	Ban QLDA Phát triển tỉnh					1.300.000			1.300.000	375.000		475.000	450.000					
III	<b>Nhiệm vụ quy hoạch</b>									<b>200.000</b>	<b>200.000</b>								
IV	<b>Bồi thường, hỗ trợ, xây dựng hạ tầng khu tái định cư, khu dân cư</b>									<b>13.905.242</b>	<b>4.749.242</b>		<b>9.156.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
a	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>									<b>10.905.242</b>	<b>1.749.242</b>		<b>9.156.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Dự án Di dân, tái định cư của các dự án nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	xã Phước Dinh và xã Vinh Hải, tỉnh Khánh Hòa		41/2009/QH12 ngày 25/11/2009 của Quốc Hội	số 794/QĐ-TTg ngày 08/6/2015 của TTCP	12.392.000	12.393.000	3.236.000	9.156.000			9.156.000						Dự án đang thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư (điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án)

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
2	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2016-2026	03/NQ-HĐND ngày 31/3/2016	2273/QĐ-UBND ngày 5/8/2016; 3467/QĐ-UBND ngày 13/11/2018; 1480/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4301/QĐ-UBND ngày 26/11/2021; 3439/QĐ-UBND ngày 14/12/2022; 1653/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	161.748	161.748	105.349	56.399	56.399								
3	Khu tái định cư Vạn Thắng - Giai đoạn 1	Ban QLDA Phát triển tỉnh	xã Vạn Thắng, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	2024-2025	112/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	3208/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	1.385.263	1.385.263	461.360	923.903	923.903								
4	Mở rộng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Ninh Mã (giai đoạn 2)	Ban QLDA Phát triển tỉnh	xã Vạn Thọ, huyện Vạn Ninh	2024-2025	133/NQ-HĐND ngày 14/12/2023		325.300	325.300	1.000	324.000	324.000								
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Vĩnh Trung - Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	xã Vĩnh Trung, Vĩnh Thái, Nha Trang	2021-2025	94/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; 88/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	1868/QĐ-UBND ngày 08/8/2023; 2603/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	197.565	197.565	90.000	107.565	107.565								
6	Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Nha Trang	2017-2025	338/NQ-HĐND ngày 27/10/2017	3241/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4063/QĐ-UBND ngày 10/11/2021; 3336/QĐ-UBND ngày 05/12/2022; 3048/QĐ-UBND ngày 11/12/2023; 3326/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	90.343	90.343	69.394	20.949	20.949								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030								Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	
7	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Mỹ Phước (khu 5,86ha)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Phường Đông Hải, tỉnh Khánh Hòa	2025-2027	238/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	853/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	151.800	151.800		20.000	131.400	131.400								
8	Di dời và tái định cư khu vực phía đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã	UBND xã Vạn Ninh	thị trấn Vạn Giã, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh	2023-2025	111/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	3207/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	258.531	258.531		199.384	59.147	59.147								
9	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Cam Thịnh Đông	UBND xã Nam Cam Ranh		2024-2025	50/NQ-HĐND ngày 31/7/2025	1748/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	20.656			5.000	15.656	15.656								
10	Khu tái định cư đường Minh Mạng	UBND Phường Ninh Hòa	Ph. Ninh Hiệp	2021-2025	34/NQ-HĐND ngày 27/4/2021	Số 15742/QĐ-CTUBND ngày 10/12/2021	21.916			9.829	12.087	12.087								
11	Khu tái định cư đường Trần Quý Cáp	UBND Phường Ninh Hòa	Ph. Ninh Hiệp	2021-2025	33/NQ-HĐND ngày 27/4/2021	Số 15743/QĐ-CTUBND ngày 10/12/2021	34.222			11.709	22.513	22.513								
12	Khu dân cư và TĐC Diên An	UBND xã Diên Khánh	Xã Diên An	2017-2025	02/NQ-HĐND ngày 28/7/2015	541/QĐ-UBND ngày 30/10/2027	121.750			81.710	40.040	40.040								
13	Khu tái định cư xã Diên Phú	UBND xã Diên Điền	Xã Diên Phú	2021-2025	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 30/7/2021; số 61/NQ-HĐND ngày 14/12/2022	Quyết định số: 255/QĐ-UBND ngày 20/12/2021; 314/QĐ-UBND ngày 15/12/2022; 343/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	20.910			11.029	9.881	9.881								
14	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng khu dân cư A-T, phường Vĩnh Hải	UBND phường Bắc Nha Trang	Phường Vĩnh Hải	2025-2026	NQ 156;	535/QĐ-UBND ngày 07/02/2025	14.044			8.684	5.360	5.360								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
15	Khu dân cư bắc đường 16 tháng 4 (từ trục D6-D7) phường Mỹ Bình	UBND phường Đông Hải (CDT cũ: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm)	Phường Mỹ Bình, TP.PR-TC, tỉnh Ninh Thuận	2023-2025	số 191/NQ-HĐND ngày 30/6/2023	số 2966/QĐ-UBND ngày 14/8/2023	37.434			33.576	3.857	3.857							
16	Chỉnh trang hạ tầng Khu dân cư sân bóng đá Mỹ Nghĩa, phường Mỹ Đông	UBND phường Đông Hải (CDT cũ: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm)	Phường Mỹ Đông, TP.PR-TC, tỉnh Ninh Thuận	2024-2025	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 15/12/2022	số 4462/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	25.615			19.584	6.031	6.031							
17	Di dân, tái định cư vùng sạt lở núi Đá Lăn xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc	UBND xã Thuận Bắc	xã Phước Kháng		36/NQ-HĐND, 17/5/2021	765, 23/6/2022	93.454			83.000	10.454	10.454							
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</b>									<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Đầu tư xây dựng nâng cấp cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Vĩnh Yên (giai đoạn 1) và mở rộng đường giao thông kết nối Khu TĐC Vĩnh Yên với đường QL1 đi Đầm Môn.		Xã Đại Lãnh, tỉnh Khánh Hòa				67.406	67.406		67.000	67.000								
2	Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư tập trung phường Phước Mỹ		P. Bảo An				450.000	450.000		450.000	450.000								
3	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Vĩnh Hiệp và xã Vĩnh Trung, thành phố Nha Trang		Phường Tây Nha Trang				287.000	287.000		287.000	287.000								

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
4	Chưa phân bổ									2.196.000	2.196.000								
V	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp									4.514.495	3.794.495	0	720.000	0	0	0	0		
a	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>									330.995	330.995	0	0	0	0	0	0		
1	Dự án mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo		2024-2026	156/NQ-HĐND ngày 12/12/2024		143.871	143.871		0	140.000	140.000							
2	Xây dựng mới Trường Trung cấp nghề Diên Khánh	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Diên Khánh	2022-2025	139/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3418/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	79.952	79.952		32.085	47.867	47.867							
3	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ũng	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	NT	2006-2025		131/QĐ-UBND 16/01/2007; 2676/QĐ-UBND 8/10/2014; 96/QĐ-UBND 14/01/2020;	562.820	562.820		249.608	45.000	45.000							
4	Trường THPT DTNT Pi Năng Tắc	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Xã Bắc Ái Đông, tỉnh Khánh Hòa	2025-2027	243/QĐ-UBND 23/4/2025	843/QĐ-UBND 20/6/2025	83.613	83.613		52.000	31.413	31.413							
5	Trường PT DTNT THCS Ninh Sơn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Xã Ninh Sơn, tỉnh Khánh Hòa	2025-2027	244/QĐ-UBND 23/4/2025	794/QĐ-UBND 14/6/2025	46.000	46.000		29.475	16.525	16.525							
6	Trường Tiểu học Cam Phước Đông 1, hạng mục: Xây mới 02 phòng học (điểm chính); 04 phòng học và hạng mục phụ trợ hạ tầng kỹ thuật (điểm Xóm Mới)	UBND phường Ba Ngòi		2024-2025	QĐ số 101/NQ-HĐND ngày 28/8/2024	1945/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	9.494			7.391	2.103	2.103							

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030								Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
7	Trường TH - THCS Suối Tiên	UBND xã Suối Hiệp	Xã Suối Tiên	2024-2025	36/NQ-HĐND	Quyết định số 259/QĐ-UBND	27.000			21.303	5.696	5.696							
8	Trường Tiểu học Suối Hiệp	UBND xã Suối Hiệp	Xã Suối Hiệp	2.025	29/NQ-HĐND	Quyết định số 109/QĐ-UBND	38.259			19.774	18.485	18.485							
9	Trường Tiểu học Diên Lạc	UBND xã Diên Lạc	xã Diên Lạc	2024-2025	95/NQ-HĐND	296/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	34.855			25.491	9.364	9.364							
10	Trường mầm non Sóc Nâu, xã Cam An Nam	UBND Xã Cam An	xã Cam An Nam	2024-2025	61/NQ-HĐND 17/12/20	820/QĐ-UBND ngày 18/4/2022; 732/QĐ-UBND ngày 28/8/2024	12.333	4.550		7.567	4.766	4.766							
11	Trường mầm non Thỏ Hồng	UBND Xã Cam Lâm	xã Cam Lâm	2025-2026	69/NQ-HĐND ngày 17/12/2020		5.000				5.000	5.000							
12	Trường Mầm non Vành Khuyên, xã Suối Cát	UBND Xã Suối Dầu	xã Suối Cát	2024-2025	66/NQ-HĐND 17/12/20	914/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	10.776	4.200		6.000	4.776	4.776							
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</b>										<b>4.183.500</b>	<b>3.463.500</b>	<b>0</b>	<b>720.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>b1</b>	<b>Cấp tỉnh quản lý</b>										<b>1.657.000</b>	<b>937.000</b>	<b>0</b>	<b>720.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Trường THPT Vĩnh Lương	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa				80.000	80.000			80.000	80.000							
2	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phường Cam Linh, tỉnh Khánh Hòa				40.000	40.000			40.000	40.000							
3	Trường THPT Lý Tự Trọng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa				70.000	70.000			70.000	70.000							

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
4	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa				40.000	40.000		40.000	40.000								
5	Trường THCS & THPT Nguyễn Văn Linh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Xã Thuận Nam, tỉnh Khánh Hòa				50.000	50.000		50.000	50.000								
6	Trường THCS & THPT Bắc Ái	Sở Giáo dục và Đào tạo	Xã Bắc Ái Đông, tỉnh Khánh Hòa				40.000	40.000		40.000	40.000								
7	Trường THPT Tôn Đức Thắng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Xã Xuân Hải, tỉnh Khánh Hòa				40.000	40.000		40.000	40.000								
8	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trường THPT Lạc Long Quân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa				20.530	20.530		20.000	20.000								
9	Sửa chữa, cải tạo, mở rộng, xây mới Trường THPT Khánh Sơn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Xã Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa				20.586	20.586		20.000	20.000								
10	Mua sắm trang thiết bị đào tạo Trường Trung cấp nghề Diên Khánh; Mua sắm trang thiết bị đào tạo tại và mua sắm thiết bị phòng cháy, chữa cháy Trường trung cấp nghề Dân tộc nội trú Khánh Vĩnh		Xã Diên Khánh, xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa				58.300	58.300		58.000	58.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030								Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	
11	Xây mới Trung tâm đào tạo công nghệ cao, mua sắm trang thiết bị đào tạo và sửa chữa cao tạo hệ thống phòng cháy, chữa cháy Trường Trường Trung cấp nghề Ninh Hòa; Mua sắm trang thiết bị đào tạo và Sửa chữa cao tạo hệ thống phòng cháy, chữa cháy, xây mới tường rào Trường Trung cấp nghề Vạn Ninh		Phường Ninh Hòa, xã Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa				64.900	64.900		64.000	64.000									
12	Mua sắm trang thiết bị đào tạo và cải tạo, mua sắm trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy Trường Trung cấp Du lịch - Kỹ thuật Cam Ranh		Phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa				15.000	15.000		15.000	15.000									
13	Mua sắm trang thiết bị đào tạo và xây mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường trung cấp nghề Dân tộc nội trú Khánh Sơn		Xã Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa				7.300	7.300		7.000	7.000									
14	Đầu tư, hiện đại hóa Trường Cao đẳng Công Nghệ - Năng lượng Khánh Hoà trở thành Trung tâm đào tạo vùng và thực hành nghề chất lượng cao lĩnh vực năng lượng tái tạo và công nghệ mới		Phường Đông Hải, phường Phan Rang, Tỉnh Khanh hòa				900.000 Trong đó: + Ngân sách trung ương: 720 tỷ đồng (80%); + Ngân sách địa phương: 162 tỷ đồng (18%); + Nguồn sự nghiệp và vốn huy động hợp pháp: 18 tỷ đồng (2%).	162.000	720.000	882.000	162.000		720.000							

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
15	Sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới một số hạng mục công trình và mua sắm trang thiết bị dạy học và làm việc, xây dựng giáo trình, tài liệu giảng dạy trình độ cao đẳng cho các ngành, nghề đào tạo của Trường Cao Đẳng Y tế Khánh Hòa						153.000	153.000		153.000	153.000								
16	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho các nghề chưa được đầu tư và ngành nghề mới Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Nha Trang		Khánh Hòa				78.000	78.000		78.000	78.000								
<b>b2</b>	<b>Hỗ trợ cấp xã</b>									<b>2.526.500</b>	<b>2.526.500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Xã Bắc Ái Tây (Trường MN Phước Bình; Trường MG Phước Hòa; Trường TH Đinh Bộ Lĩnh; Trường TH Phước Bình A; Trường TH Phước Bình C (điểm Bạc Rây 2); Trường TH Phước Bình B; Trường TH&THCS Võ Thị Sáu)									53.500	53.500								
2	Xã Xuân Hải (Trường Mẫu giáo Tân Hải; Trường Mẫu giáo Hộ Hải; Trường Mẫu giáo Xuân Hải B; Trường Mầm non Thành Sơn; Trường TH Lương Cách; Trường TH An Nhơn; Trường TH Thành Sơn)									34.000	34.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
3	Xã Cam An (Trường MG Phong Lan; Trường MN Thiên Nga; Trường TH Cam Phước Tây 1; Trường TH Cam Phước Tây 2; Trường TH Cam An Nam; Trường TH&THCS Nguyễn Trãi)									44.000	44.000								
4	Xã Đại Lãnh (Trường MN Vạn Thạnh; Trường MN Đại Lãnh; Trường TH Vạn Thọ; Trường TH&THCS Vạn Thạnh; Trường THCS Chi Lăng; Trường THCS Lương Thế Vinh)									24.500	24.500								
5	Xã Mỹ Sơn (Trường MG Mỹ Sơn; Trường TH Mỹ Sơn C)									12.000	12.000								
6	Xã Lâm Sơn (Trường MG Lâm Sơn; Trường TH Lâm Sơn B)									12.500	12.500								
7	Xã Cà Ná (Trường MN Cà Ná; Trường MG Phước Diêm; Trường TH Lạc Nghiệp; Trường TH Lạc Sơn; Trường TH Thương Diêm; Trường THCS Trương Văn Ly)									47.500	47.500								
8	Xã Diên Điền (Trường MN Diên Sơn; Trường MN Diên Phú; Trường MN Diên Điền; Trường TH Diên Điền; Trường TH Diên Sơn; Trường TH Diên Phú; Trường THCS Mạc Đĩnh Chi; Trường THCS Trần Quang Khải)									99.500	99.500								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
9	Xã Nam Ninh Hòa (Trường MN Ninh Tân; Trường MN Ninh Lộc; Trường MN Ninh Ích; Trường MN Ninh Hưng; Trường TH Ninh Ích; Trường TH Ninh Hưng; Trường THCS Lê Thánh Tôn; Trường THCS Võ Thị Sáu; Trường TH&THCS Ninh Tân; Trường THCS Ngô Gia Tự									62.500	62.500								
10	Xã Phước Dinh (Trường TH Từ Thiện)									6.000	6.000								
11	Xã Anh Dũng (Trường MG Hoa Đào; Trường MG Hoa Phương; Trường TH Ma Nôi; Trường TH Tà Nôi; Trường TH Hòa Sơn; Trường THCS Hoàng Hoa Thám; Trường PIDTBT THCS Phan Đình Phùng;									24.000	24.000								
12	Xã Diên Lạc (Trường MN Diên Thanh; Trường MN Diên Hòa; Trường MN Diên Lạc; Trường TH Diên Hòa; Trường TH Diên Thanh; Trường THCS Nguyễn Du; Trường THCS Trần Đại Nghĩa)									47.000	47.000								
13	Xã Suối Dầu (Trường THCS A.Yersin)									6.000	6.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
14	Xã Khánh Vĩnh (Trường MN Ngọc Lan; Trường MN 2 tháng 8; Trường MN Vành Khuyên; Trường TH Khánh Phú ; Trường PTDTNT THCS huyện Khánh Vĩnh; Trường THCS Cao Văn Bê ; Trường THCS thị trấn Khánh Vĩnh)									53.500	53.500								
15	Xã Tây Khánh Vĩnh (Trường MN A Xây; Trường TH Khánh Nam; Trường TH Khánh Thượng)									23.000	23.000								
16	Xã Vạn Ninh (Trường TH Vạn Giã; Trường THCS Âu Cơ; Trường THCS Mê Linh; Trường THCS Đồng Đa)									16.500	16.500								
17	Xã Vĩnh Hải (Trường MG Nhơn Hải; Trường MG Thanh Hải; Trường MG Vĩnh Hải; Trường TH Tân Mỹ; Trường TH Mỹ Tường; Trường TH Khánh Nhơn; Trường TH Vỹ Hy; Trường TH Mỹ Phong; Trường THCS Lương Thế Vinh)									147.500	147.500								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
18	Xã Ninh Phước (Trường MG Mãng Non; Trường MG Phước Hải; Trường MG Phước Thuận; Trường TH Thuận Hòa –Hiệp Hòa; Trường TH Bình Quý; Trường TH Phú Quý 1; Trường TH Phú Quý 2; Trường TH Mỹ Nghiệp – Chung Mỹ; Trường TH Từ Tâm; Trường TH Phước Thành; Trường TH Hòa Thủy; Trường TH Thành Tín; Trường THCS Trương Định; Trường THCS Trần Thi; Trường THCS Nguyễn Tất Thành									104.500	104.500							
19	Xã Bác Ái (Trường MG Phước Tiến)									10.000	10.000							
20	Xã Phước Hữu (Trường MG Phước Hữu; Trường MG Phước Thái; Trường TH Như Bình; Trường TH La Chữ; Trường TH Hậu Sanh; Trường TH Hoài Trung; Trường TH Hữu Đức; Trường THCS Đồng Đậu; Trường THCS Huỳnh Phước)									108.000	108.000							
21	Xã Hòa Trí (Trường MN Ninh Trung; Trường TH Ninh Trung; Trường THCS Lê Hồng Phong; Trường THCS Phạm Hồng Thái)									45.500	45.500							

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
22	Xã Diên Khánh (Trường MN Diên Toàn; Trường MN Thị Trấn; Trường TH Thị Trấn 2; Trường TH Diên An 1; Trường TH Thị Trấn 1; Trường THCS Trinh Phong; Trường TH Diên An 2; Trường THCS Phan Chu Trinh; Trường THCS Trần Nhân Tông)									76.500	76.500								
23	Xã Cam Lâm (Trường MN Thò Hồng; Trường MN Hoàng Yến; Trường TH Cam Đức 1; Trường THCS Phan Đình Phùng)									33.000	33.000								
24	Phường Phan Rang (Trường MN Sơn Ca)									26.000	26.000								
25	Phường Bắc Cam Ranh (Trường Mầm non Cam Nghĩa; Trường Mầm non Cam Phúc Bắc ; Trường Mầm non Trường Sa ; Trường TH Cam Phúc Bắc; Trường TH Căn cứ Cam Ranh; Trường TH&THCS Cam Thành Nam; Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai; Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi)									114.000	114.000								
26	Phường Đô Vinh (Trường MG Nhơn Sơn; Trường THCS Trần Quốc Toàn)									16.500	16.500								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030								Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
27	Phường Đông Ninh Hòa (Trường MN Ninh Thủy; Trường MN Ninh Phước; Trường MN Ninh Vân; Trường TH Ninh Hải; Trường TH Ninh Thủy; Trường TH&THCS Ninh Vân; Trường THCS Hàm Nghi)								33.000	33.000									
28	Phường Bắc Nha Trang (Trường MN Sao Biển; Trường TH Vinh Phương I; Trường THCS Nguyễn Công Trứ)								19.000	19.000									
29	Phường Ba Ngòi (Trường MN Cam Phước Đông; Trường TH&THCS Ba Ngòi; Trường THCS Nguyễn Du)								153.000	153.000									
30	Phường Hòa Thắng (Trường MN Ninh Hà; Trường TH Ninh Giang; Trường TH Ninh Phú; Trường TH Ninh Hà; Trường THCS Đào Duy Từ)								41.500	41.500									
31	Phường Nam Nha Trang (Trường TH Phước Long 2; Trường TH Vinh Thái; Trường TH Phước Đồng; Trường THCS Cao Bá Quát; Trường THCS Lam Sơn; Trường THCS Trần Hưng Đạo)								76.000	76.000									

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030								Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP				
32	Phường Cam Ranh (Trường MN Cam Phú; Trường TH Cam Phú; Trường TH Cam Lộc 1; Trường TH Cam Lộc 2; Trường THCS Trần Phú; Trường THCS Lê Hồng Phong)									74.000	74.000									
33	Phường Cam Linh (Trường MN Cam Linh; Trường TH Cam Thuận; Trường TH Cam Lợi)									33.500	33.500									
34	Phường Đông Hải (Trường TH Đông Hải; Trường THCS Trần Phú)									9.000	9.000									
35	Phường Bảo An (Trường TH Bảo An 1 ; Trường THCS Thành Hải; Trường THCS Lê Văn Tám)									85.000	85.000									
36	Xã Vạn Thắng (Trường TH Vạn Thắng; Trường TH Vạn Bình; Trường TH&THCS Nguyễn Bình Khiêm; Trường THCS Trần Phú)									24.500	24.500									
37	Xã Tu Bông (Trường TH Vạn khánh; Trường THCS Nguyễn Trung Trực; Trường THCS Nguyễn Huệ)									12.500	12.500									

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030								Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)		
38	Xã Thuận Nam (Trường MG Phước Nam; Trường MN Quán Thê; Trường MG Phước Ninh; Trường TH Vụ Bôn; Trường TH Hiếu Thiện; Trường TH Nho Lâm; Trường TH&THCS Nguyễn Bình Khiêm)									56.000	56.000								
39	Xã Tân Định (Trường MN Ninh Quang; Trường MN Ninh Xuân; Trường TH số 2 Ninh Xuân; Trường THCS Lý Thường Kiệt)									7.500	7.500								
40	Xã Suối Hiệp (Trường MN Suối Tiên; Trường MN Bình Lộc (CS1); Trường MN Bình Lộc (CS2); Trường MN Suối Hiệp; Trường TH Bình Lộc (CS1); Trường TH Bình Lộc (CS2); Trường THCS Ngô Quyền)									55.000	55.000								
41	Xã Trung Khánh Vĩnh (Trường MN Hòa Mỹ; Trường MN Hoa Phượng; Trường THCS Chu Văn An; Trường TH Khánh Trung)									11.500	11.500								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
42	Xã Phước Hậu (Trường MG Phước Vinh; Trường MG Phước Sơn; Trường MG Phước Hậu; Trường TH Phước Thiện; Trường TH Phước An; Trường TH Liên Sơn 2; Trường THCS Phan Bội Châu; Trường TH&THCS Phước Vinh)								70.000	70.000								
43	Xã Ninh Sơn (Trường TH Quảng Sơn A; Trường THCS Quang Trung, THCS Nguyễn Trường Tộ, TH Tân Sơn B; Nâng cấp hệ thống PCCC 6 Trường; Sửa chữa các Trường trên địa bàn xã)								42.000	42.000								
44	Xã Nam Khánh Vĩnh (Trường MN Anh Đào; Trường MN Hoa Hồng; Trường MN Hương Dương; Trường TH&THCS Cầu Bà; Trường THCS Lê Văn Tám; Trường TH Sơn Thái; Trường TH Liên Sang)								35.000	35.000								
45	Xã Khánh Sơn (Trường MN Vành Khuyên; Trường MN 1.6; Trường MN Sơn Ca; Trường TH Sơn Bình; Trường TH Sơn Hiệp; Trường TH thị trấn Tô Hạp; Trường THCS Sơn Bình)								31.000	31.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	
46	Xã Diên Thọ (Trường THCS Nguyễn Huệ; Trường TH&THCS Diên Tân; Trường MN Diên Thọ; Trường MN Diên Tân; Trường TH Diên Thọ; Trường TH Diên Phước; Trường MN Diên Phước;									88.500	88.500								
47	Xã Bắc Ái Đông (Các Trường trên địa bàn xã)									20.000	20.000								
48	Xã Cam Hiệp (Trường MG Hòa Mi; Trường TH Sơn Tân)									4.500	4.500								
49	Xã Phước Dinh (Trường TH Sơn Hải; Trường TH Từ Thiện; Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai; Trường THCS Nguyễn Tiệm)									38.500	38.500								
50	Xã Thuận Bắc (Trường THCS Bùi Thị Xuân; Trường THCS Cao Bá Quát; Trường TH Lợi Hải; Trường TH Bà Râu; Trường MG Lợi Hải; Trường PT DTNT - THCS Thuận Bắc; Trường TH Gò Sạn; Trường TH Mỹ Nhơn; Trường MG Bắc Phong;									120.500	120.500								
51	Xã Công Hải (Các Trường trên địa bàn xã)									40.000	40.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
52	Phường Ninh Chữ (Trường MG Khánh Hải ; Trường MG Vân Hải ; Trường TH Khánh Dư ; Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh )								48.000	48.000									
53	Phường Ninh Hòa (Trường MN Ninh Đông; Trường MN 2/9 ; Trường MN 1/5; Trường TH số 1 Ninh Hiệp ; Trường TH Ninh Đa ; Trường TH số 3 Ninh Hiệp; Trường THCS Trần Quốc Tuấn; Trường THCS Chu Văn An ; Trường THCS Đinh Tiên Hoàng ; Trường THCS Hùng Vương )								50.000	50.000									
VI	<b>Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số</b>								1.784.998	1.784.998			0	0	0	0	0		
a	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</b>								44.998	44.998			0	0	0	0	0		
1	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Khánh Hòa			2023-2025	43/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		30.000	30.000	0	30.000	30.000								
2	Xây dựng ứng dụng tương tác phục vụ người dân tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ		2024-2026	151/NQ-HĐND ngày 02/12/2024		14.998	14.998	0	14.998	14.998								
b	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</b>								1.740.000	1.740.000			0	0	0	0	0		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
1	Đầu tư xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ					450.000	450.000		450.000	450.000								
2	Đầu tư bổ sung hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng về dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ					14.999	14.999		14.999	14.999								
3	Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung ngành y tế	Sở Y tế					30.000	30.000		30.000	30.000								
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng tỉnh Khánh Hòa	Sở Tư pháp					20.000	20.000		20.000	20.000								
5	Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp					4.938	4.938		4.938	4.938								
6	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác điều hành của Công an tỉnh	Công an tỉnh					60.000	60.000		60.000	60.000								
7	Trung tâm giám sát và tác chiến an ninh mạng - Công an tỉnh Khánh Hòa	Công an tỉnh					55.000	55.000		55.000	55.000								
8	Trung tâm giám sát và tác chiến an ninh mạng - Công an tỉnh Khánh Hòa (Giai đoạn 2)	Công an tỉnh					150.000	150.000		150.000	150.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030								Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP				
9	Đầu tư hệ thống EDR Endpoint giám sát, phát hiện và phản ứng với các hành vi mất an toàn, an ninh mạng trên các thiết bị đầu cuối của CBCC các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Công an tỉnh					59.000	59.000		59.000	59.000									
10	Mua sắm bản quyền, triển khai giải pháp DLP Endpoint (Data Loss Prevention) bảo vệ dữ liệu nhạy cảm trên thiết bị đầu cuối của CBCC các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Công an tỉnh					74.000	74.000		74.000	74.000									
11	Xây dựng Hệ thống dữ liệu kinh tế tỉnh Khánh Hòa (Giai đoạn 1)	Sở Tài Chính					15.000	15.000		15.000	15.000									
12	Xây dựng Hệ thống dữ liệu kinh tế tỉnh Khánh Hòa (Giai đoạn 2)	Sở Tài Chính					15.000	15.000		15.000	15.000									
13	Trang bị hệ thống camera giám sát xử lý vi phạm giao thông trên các tuyến quốc lộ	Công an tỉnh					246.740	246.740		246.740	246.740									
14	Trang bị hệ thống camera giám sát xử lý vi phạm giao thông trên các tuyến quốc lộ (Giai đoạn 2)	Công an tỉnh					200.000	200.000		200.000	200.000									
15	Chuyển đổi số của Báo và phát thanh, truyền hình Khánh Hòa	Báo và phát thanh, truyền hình Khánh Hòa					99.996	99.996		99.996	99.996									
16	Phim trường đa năng	Báo và phát thanh, truyền hình Khánh Hòa					39.000	39.000		39.000	39.000									

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
17	Dự án Triển khai bệnh án điện tử tại các cơ sở khám chữa bệnh (bệnh viện, trung tâm y tế khu vực, trạm y tế)	Sở Y tế					160.000	160.000		160.000	160.000								
18	Đầu tư và phát triển Thư viện tỉnh theo mô hình thư viện số và thư viện tự động hóa	Thư viện tỉnh (Số VH TTDL tỉnh Khánh Hòa)					20.955	20.955		20.955	20.955								
19	Dự án Công nghệ thông tin tăng cường chuyển đổi số phục vụ giảng dạy và công tác quản lý Trường Đại học Khánh Hòa.	Trường Đại học Khánh Hòa					20.000	20.000		20.000	20.000								
20	Chưa phân bổ									5.372	5.372								
<b>VII</b>	<b>Y tế, dân số và gia đình</b>									<b>8.639.000</b>	<b>8.439.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>200.000</b>			
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>									<b>4.839.000</b>	<b>4.639.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>200.000</b>			
1	Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành Bệnh viện của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ			2025-2030	29/NQ-HĐND ngày 28/3/2025		4.450.000	4.450.000		4.449.000	4.249.000	0	0	0	0	200.000			
-	Dự án thành phần 1: Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc Dự án Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành Bệnh viện khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	Trung tâm Phát triển quỹ đất Khánh Hòa			29/NQ-HĐND ngày 28/3/2025		200.000	200.000	430	199.000	199.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
-	Dự án thành phần 2: Dự án Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành Bệnh viện khu vực duyên hải Nam Trung Bộ	Ban QLDA Phát triển tỉnh			29/NQ-HĐND ngày 28/3/2025		4.250.000	4.250.000		4.642	4.250.000	4.050.000						200.000	
2	Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Sở Y tế	Nha Trang	2024-2027	27/NQ-HĐND ngày 11/6/2024	1940/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	400.000	400.000		5.000	390.000	390.000							
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</b>										<b>3.800.000</b>	<b>3.800.000</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Mua sắm trang thiết bị y tế cho các cơ sở khám, chữa bệnh, y tế dự phòng						800.000	800.000			800.000	800.000							
2	Cải tạo, nâng cấp Hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý chất thải rắn y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn toàn tỉnh						200.000	200.000			200.000	200.000							
3	Nâng cấp, mở rộng, sửa chữa các Bệnh viện chuyên khoa, đa khoa						2.000.000	2.000.000			2.000.000	2.000.000							
4	Nâng cấp, mở rộng, sửa chữa các Trung tâm y tế, trạm y tế						800.000	800.000			800.000	800.000							
<b>VIII</b>	<b>Giao thông</b>										<b>56.889.710</b>	<b>12.232.262</b>	<b>3.486.491</b>	<b>41.030.957</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>140.000</b>	<b>0</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</b>										<b>9.719.295</b>	<b>7.659.247</b>	<b>601.091</b>	<b>1.458.957</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh		Diên Khánh, Nha Trang	2023-2027	06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023		1.496.435	1.096.435	400.000		1.095.660	745.660	350.000	0	0	0	0	0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030								Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Diên Khánh, Nha Trang	2023-2027	06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023	1984/QĐ-UBND ngày 30/7/2024; 3049/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	1.316.374	916.374	400.000	357.697	958.677	608.677	350.000						
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thành phố Nha Trang phục vụ dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	Trung tâm PTQĐ tỉnh	Nha Trang		06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023		4.570	4.570		0	4.570	4.570							
-	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Diên Khánh phục vụ dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	Trung tâm PTQĐ tỉnh	Diên Khánh		06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023		132.413	132.413		0	132.413	132.413							
2	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.652B và ĐT.652D (đoạn từ đường ĐT.652 đến Quốc lộ 26B)	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa (tên cũ: BQL KKT Văn Phong)	Ninh Hòa	2023-2026	80/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	182/QĐ-KKT ngày 31/10/2022; 374/QĐ-KKT ngày 15/10/2024	816.173	416.173	400.000	274.776	541.397	290.306	251.091						
3	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuật giai đoạn 1	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Ninh Hòa	2022-2026	58/2022/QH15 ngày 16/6/2022	611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023; 756/QĐ-UBND ngày 03/4/2023; 523/QĐ-UBND ngày 21/02/2025	5.333.307	303.350	5.029.957	4.024.350	1.308.957		1.308.957						
4	Đường giao thông từ Quốc lộ 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2023-2027	92/2023/QH15 ngày 20/6/2023		1.930.000	930.000	1.000.000		949.418	799.418	150.000	0	0	0	0	0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030								Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
-	Dự án thành phần xây lắp thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hoà - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2023-2027	92/2023/QH15 ngày 20/6/2023	446/QĐ-UBND ngày 15/02/2024	1.809.107	809.107	1.000.000	861.411	940.000	790.000		150.000					
-	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ tái định cư thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hoà - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2024-2025	92/2023/QH15 ngày 20/6/2023	1864/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	120.399	120.399		110.981	9.418	9.418							
5	Xây dựng mới thay thế 03 cầu: Thác Ngựa, Sông Giang, Sông Chò trên tuyến Tỉnh lộ 8B, huyện Khánh Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Khánh Vĩnh	2023-2025	28/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	1767/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	292.941	292.941		173.500	119.441	119.441							
6	Nâng cấp mở rộng đường Quốc lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Thị xã Ninh Hòa	2024-2025	45/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	1049/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	865.474	865.474		860.882	4.592	4.592							
7	Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)		Vạn Ninh và Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		875.749	875.749			825.431	825.431		0	0	0	0	0	
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		605.800	605.800		0	605.800	605.800							
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Vạn Ninh phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	Trung tâm PTQĐ tỉnh	Vạn Ninh	2024-2025	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	151/QĐ-UBND ngày 16/01/2025	85.402	85.402		50.318	35.084	35.084							

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
-	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thị xã Ninh Hòa phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	Trung tâm PTQĐ tỉnh	Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		184.547	184.547		0	184.547	184.547							
8	Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 1A - ĐT652B (Quốc lộ 1 đến vòng xoay Ninh Diêm)	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Thị xã Ninh Hòa	2024-2027	46/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	1167/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	559.408	559.408		62.018	497.390	497.390							
9	Đường Lê Duẩn - đoạn 3 (từ đường Nguyễn Lương Bằng đến đường Lê Lợi (đường C1))	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	CPhủ-CPNam-CPBắc	2021-2025	47/NQ-HĐND ngày 21/12/2020; 62/NQ-HĐND ngày 09/11/2023	645/QĐ-UBND ngày 30/6/2021; 1813/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	326.280	93.470	120.000	194.470	131.000	131.000							
10	Đường Lê Duẩn - đoạn 4 (từ đường Lê Lợi đến đường Nguyễn Công Trứ) và các phân đoạn kết nối: đường Trần Nguyên Hãn, đường Hoàng Văn Thụ, đường Quy hoạch số 35, phường Cam Phúc Bắc, Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	phường Cam Phúc Bắc, Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh	2024-2028	104/NQ-HĐND ngày 28/8/2024		541.322	541.322		0	541.322	541.322							
11	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Xiển	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Nha Trang	2024-2027	98/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		586.474	586.474		100	580.000	580.000							
12	Đường giao thông kết nối Đập hạ lưu sông Dinh đến đường Hải Thượng Lãn Ông	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa	2021-2025	81/NQ-HĐND 10/12/2020 2422/QĐ-UBND 29/12/2021 394/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	2422/QĐ-UBND 29/12/2021 271/QĐ-UBND 29/6/2025	147.024	147.024		80.000	66.773	66.773							

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030								Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	
13	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Gia Tự	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa	2025-2027	245/QĐ-UBND 23/4/2025	752/QĐ-UBND 08/6/2025	72.000	72.000		45.000	26.700	26.700								
14	Cải tạo, nâng cấp đường Yên Ninh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Phường Đồng Hai và Phường Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa	2025-2027	246/QĐ-UBND 23/4/2025	780/QĐ-UBND 12/6/2025	76.805	76.805		49.000	27.505	27.505								
15	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Xã Ninh Sơn, Xã Tà Năng	2022-2025	62/NQ-HĐND 10/12/2020, 10/NQ-HĐND 15/02/2024	2373/QĐ-UBND 22/12/2021	1.494.737	264.187	1.230.550	1.230.550	229.187	229.187								
16	Đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đến thị xã Ninh Hòa		Ninh Hòa - Vạn Ninh	2024-2027	94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024		2.031.016	1.431.016	600.000		1.196.601	1.196.601	0	0	0	0	0			
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa (tên cũ: BQL KKT Vạn Phong)	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2024-2027	94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024	1790/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	1.705.030	1.105.030	600.000	754.000	951.030	951.030								
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn huyện Vạn Ninh phục vụ dự án Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	Trung tâm PTQĐ tỉnh	Vạn Ninh	2024-2025	94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024	2963/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	230.357	230.357		80.404	149.953	149.953								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
-	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn thị xã Ninh Hòa phục vụ dự án Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	Trung tâm PTQĐ tỉnh	Ninh Hòa		94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024		95.618	95.618		0	95.618	95.618							
17	Nâng cấp, mở rộng Cai tuyến Tỉnh lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1)	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa	Ninh Hòa	2023-2026	70/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	223/QĐ-KKT ngày 24/7/2024	538.591	538.591		180.634	357.957	357.957							
18	Nâng cấp mở rộng đường giao thông từ Quốc lộ 1 đến cảng Hòn Khói (ĐT.651D và đoạn ĐT.652B)	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa	Ninh Hòa	2024-2027	48/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	1676/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	690.509	690.509		5.859	689.650	689.650							
19	Đường giao thông ngoài Cảng trung chuyển Quốc tế Vân Phong (giai đoạn 2)	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa	xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	2024-2027	108/NQ-HĐND ngày 13/9/2024	1910/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	147.370	147.370		5.000	140.000	140.000							
20	Tuyến đường T28 (giai đoạn 1) thuộc phường Đông Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa	phường Đông Ninh Hòa	2025-2027			126.340	126.340		26	120.000	120.000							
21	Đoạn tuyến đường đầu nối N1 (Khu công nghiệp Đốc Đá Trắng) vào Quốc lộ 1	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa		2025-2026			24.700	24.700		19	24.500	24.500							
22	Cầu qua sông Kim Bông	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2021-2025	13/NQ-HĐND ngày 09/7/2019	2955/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 3414/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	131.731	131.731		39.917	91.814	91.814							

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030								Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
23	Đường ĐX 1 (đoạn từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến đường Lê Lợi và đường từ đường quy hoạch Huỳnh Thúc Kháng đến đường Phan Bội Châu) và đường Hải Thượng Lãn Ông	UBND xã Vạn Ninh	thị trấn Vạn Giã	2025-2026	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 17/3/2021 và 51/NQ-HĐND ngày 22/12/2023	749/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	64.000			5.000	59.000	59.000							
24	Đường Triệu Quang Phục, thị trấn Vạn Giã	UBND xã Vạn Ninh	thị trấn Vạn Giã	2025-2026	Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 và 52/NQ-HĐND ngày 22/12/2023	735/QĐ-UBND ngày 14/3/2025	33.543			2.000	31.000	31.000							
25	Đường Trần Đường, thị trấn Vạn Giã	UBND xã Vạn Ninh	thị trấn Vạn Giã	2025-2026	Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 04/10/2024	1711/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	27.919			14.415	13.000	13.000							
26	Đường D1 (Tinh lộ 2-QL 27C)	UBND xã Diên Lạc	Diên Khánh	2022-2025	34/NQ-HĐND ngày 28/4/2021	251/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	130.258	20.000	73.516	93.516	36.000	36.000							
27	Xây dựng mới cầu trên đường D6 (ngã 3 Kim Đồng - Lạc Long Quân)	UBND xã Khánh Sơn	thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn	2024-2025	03/NQ-HĐND ngày 02/6/2020; 12/NQ-HĐND ngày 21/3/2024	1115/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	79.000	64.000		64.000	15.000	15.000							
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</b>									<b>47.170.415</b>	<b>4.573.015</b>	<b>2.885.400</b>	<b>39.572.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>140.000</b>	<b>0</b>		
<b>b1</b>	<b>Cấp tỉnh quản lý</b>									<b>44.325.000</b>	<b>1.727.600</b>	<b>2.885.400</b>	<b>39.572.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>140.000</b>	<b>0</b>		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP				
1	Dự án hạ tầng giao thông liên vùng kết nối từ Cảng biển tổng hợp Cà Ná lên các tỉnh khu vực Nam Tây Nguyên		Xã Anh Dũng, xã Phước Hà, xã Cà Ná				3.000.000	114.600	2.885.400		3.000.000	114.600	2.885.400							
2	Tuyến đường ven biển nối sân bay Cam Ranh với Ninh Thuận (nay được đổi tên thành Tuyến đường ven biển nối Cam Ranh đi Nam Khánh Hòa)		Xã Ninh Hải				10.000.000	90.000	9.910.000		10.000.000	90.000		9.910.000						
3	Tuyến đường động lực kết nối Cao tốc Bắc Nam - Sân bay Thành Sơn đến Khu du lịch Quốc gia Ninh Chữ		Phường Đô Vinh, phường Ninh Chữ, xã Xuân Hải				1.300.000	90.000	1.210.000		1.300.000	90.000		1.210.000						
4	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ven biển từ Cảng tổng hợp Cà Ná đến Nhà máy điện hạt nhân 1		Xã Cà Ná, xã Phước Dinh, tỉnh Khánh Hòa				750.000		750.000		750.000			750.000						
5	Mở rộng tuyến đường ven biển từ QL1 tới Nhà máy điện hạt nhân số 2		Phường Bắc Cam Ranh, xã Nam Cam Ranh, xã Vĩnh Hải, tỉnh Khánh Hòa				1.000.000		1.000.000		1.000.000			1.000.000						
6	Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Thọ đến xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa (nay được đổi tên thành dự án Tuyến đường ven biển đoạn từ ĐT.651 đến xã Vạn Ninh)		Vạn Ninh				5.399.618	19.618	5.380.000	1.000	5.380.000			5.380.000						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP				
7	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Nha Trang - Đà Lạt theo phương thức đối tác công tư (PPP), hợp đồng BOT		Khánh Hòa, Lâm Đồng				25.055.000	Khánh Hòa: 403.000 trđ; Lâm Đồng: 768.000 trđ	15.115.000		15.518.000	403.000		15.115.000						
8	Dự án Đường Vành đai 3 (Đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Võ Nguyên Giáp)		Phường Nam Nha Trang				1.667.000		107.000	1.560.000		1.660.000	100.000		1.560.000					
9	Mở rộng đường QL27C từ nút giao đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao liên thông đường bộ cao tốc Bắc - Nam		Diên Khánh				1.634.601		4.601	1.630.000		1.630.000		1.630.000						
10	Đường D25 và kênh thoát lũ Vĩnh Trung		Phường Tây Nha Trang và xã Diên Điền, tỉnh Khánh Hòa				1.942.775		2.775	1.940.000		1.940.000		1.940.000						
11	Đường kết nối di sản văn hóa Tháp Bà Ponagar - Am Chúa (giai đoạn 1)		Nha Trang				877.890		890	877.000		877.000		877.000						
12	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp các đoạn tuyến còn lại của Quốc lộ 27 đoạn qua địa bàn xã Lâm Sơn, tỉnh Khánh Hòa		Xã Lâm Sơn, tỉnh Khánh Hòa				200.000			200.000		200.000		200.000						
13	Dự án Cầu Phú Kiếng, xã Vĩnh Ngọc		Phường Tây Nha Trang				599.837		599.837		590.000	590.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
14	Dự án tuyến đường trục bắc - nam kết nối KCN Ninh Diêm và Ninh Thọ (đoạn từ ĐT.652c đến QL26b)	Phường Đông Ninh Hòa					180.000	180.000		180.000	180.000								
15	Dự án tuyến đường ngang kết nối giữa KCN Ninh Diêm 1 và 2	Phường Đông Ninh Hòa					300.000	300.000		300.000	160.000					140.000			
<b>b2</b>	<b>Hỗ trợ cấp xã</b>									<b>2.845.415</b>	<b>2.845.415</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Đường giao thông liên xã Vạn Bình - Vạn Thắng		Xã Vạn Thắng				162.000	162.000		162.000	162.000								
2	Đường An Dương Vương - đoạn từ Trần Nguyên Hãn - Nguyễn Du (đường D2)		Phường Bắc Cam Ranh				64.000	64.000		64.000	64.000								
3	Hệ thống giao thông trung tâm phường Hòa Thắng kết nối QL1A và trung tâm phường Ninh Hòa		Phường Hòa Thắng				300.000	300.000		300.000	300.000								
4	Đường Phan Bội Châu (đoạn tiếp giáp phường Cam Thuận đến đường quy hoạch Bà Triệu), phường Cam Phú		Phường Cam Ranh				26.115	26.115		26.115	26.115								
5	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa đường Trần Nhân Tông		Phường Phan Rang				8.000	8.000		8.000	8.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
6	Nâng cấp, mở rộng đường Đá Voi - Nông Phố, phường Ba Ngòi.		Phường Ba Ngòi				97.000	97.000		97.000	97.000								
7	Tuyến đường vào thôn Sơn Hải 2, xã Phước Dinh		Phước Dinh				55.116	55.116		55.000	55.000								
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường An Long – Trại giồng		xã Phước Dinh				300.000	300.000		300.000	300.000								
9	Xây mới, mở rộng cầu Sông Lu (Cầu sắt cũ) và các hạng mục khác		xã Phước Hà				47.000	47.000		47.000	47.000								
10	Đường từ vòng xoay tỉnh lộ 1A giao với đường ĐT652B đến giáp biển		Phường Đông Ninh Hòa				200.000	200.000		200.000	200.000								
11	Tuyến đường dọc 02 bờ sông Dinh.		Phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.				201.000	201.000		200.000	200.000								
12	Nâng cấp, cải tạo đường Hà Huy Tập		Phường Bảo An				22.200	22.200		22.000	22.000								
13	Đường Quang Trung (Đoạn từ đường 2-8 đến đường Hoàng Quốc Việt)		Thôn 2, Thôn 5, xã Khánh Vĩnh				150.000	150.000		150.000	150.000								
14	Đường giao thông đi khu sản xuất vành đai phía nam xã Bắc Ái.		xã Bắc Ái				250.000	250.000		250.000	250.000								
15	Đường từ Tân Phú đi KCN Vạn Lương		xã Vạn Ninh				220.000	220.000		220.000	220.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
16	Đường D2 nối dài đến khu công nghiệp Du Long, hạng mục: nền mặt đường, vỉa hè, thoát nước		xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa				90.000	90.000		90.000	90.000								
17	Nâng cấp, mở rộng Cầu kết hợp đường đi khu sản xuất thôn 2		Xã Ninh Sơn				15.000	15.000		15.000	15.000								
18	Cầu Đá Bàn		Xã Bắc Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hòa				42.000	42.000		42.000	42.000								
19	Nâng cấp đường liên xã từ cầu Văn Định đến ngã 3 thôn Quảng Cư		xã Hòa Tri				19.000	19.000		19.000	19.000								
20	Đường từ Nhà Vương đến đường liên vùng		Xã Diên Điện				90.000	90.000		90.000	90.000								
21	Trục giao thông kinh tế kết nối từ Khu Trung tâm xã đến Cảng Cà Ná (cũ)		Lạc Sơn 1, Lạc Sơn 2, Lạc Sơn 3, Cà Ná				83.000	83.000		83.000	83.000								
22	Cầu BTXM qua khu sản xuất độc Tuông.		xã Bắc Ái Tây				20.900	20.900		20.900	20.900								
23	Xây dựng mới Cầu thôn Bạc Rây 1 (thay Cầu treo Bạc Rây 1)		xã Bắc Ái Tây				25.000	25.000		25.000	25.000								
24	Xây dựng mới Cầu thôn Bạc Rây 2 (thay cầu treo Bạc Rây 2):		xã Bắc Ái Tây				25.000	25.000		25.000	25.000								
25	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 705 đi tỉnh lộ 708		Xã Mỹ Sơn				20.000	20.000		20.000	20.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
26	Xây dựng cầu từ thôn Ú đi thôn Hà Dài		Xã Anh Dũng				30.000	30.000		30.000	30.000								
27	Xây dựng tuyến đường Liên Sơn 2 - Láng Thỏ		Thôn Liên Sơn 2, xã Phước Hậu.				110.000	110.000		110.000	110.000								
28	Nâng cấp tuyến đường liên xã Ma Trai - Nam Cam Ranh		Thôn Ma Trai, xã Công Hải				19.904	19.904		19.900	19.900								
29	Xây dựng Cầu qua Sông Lu, xã Ninh Phước		Xã Ninh Phước				20.000	20.000		20.000	20.000								
30	Nâng cấp đường Mông Đức -Hữu Đức, xã Phước Hữu		Thôn Mông Đức, xã Phước Hữu				14.500	14.500		14.500	14.500								
31	Xây dựng mới các tuyến đường nối Yên Ninh - kè biển Đông Hải		Phường Đông Hải, tỉnh Khánh Hòa				120.000	120.000		120.000	120.000								
IX	<b>Đề án tổng thể giảm nghèo của 2 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh giai đoạn 2021-2025</b>									<b>116.900</b>	<b>116.900</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>									<b>116.900</b>	<b>116.900</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư xã Cầu Bà	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà	2024-2025	05/NQ-HĐND ngày 07/3/2024	901/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	115.975	115.975	90.100	25.875	25.875								
2	Kè bờ tả thị trấn Khánh Vĩnh (đoạn từ Cầu Sông Khế, tỉnh lộ 2 đến cầu Hoàng Quốc Việt)	UBND xã Khánh Vĩnh	Thị trấn Khánh Vĩnh	2024-2025	06/NQ-HĐND ngày 07/3/2024	454/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	37.525	37.525	33.500	4.025	4.025								
3	Kè bảo vệ khu dân cư dọc sông Cầu xã Sông Cầu huyện Khánh Vĩnh	UBND xã Khánh Vĩnh	Xã Sông Cầu	2024-2025	04/NQ-HĐND ngày 07/3/2024	486/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	42.000	42.000	39.000	3.000	3.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
4	Kè chống sạt lở hai bên bờ sông Tô Hạp, đoạn qua xã Sơn Bình, Sơn Lâm, Thành Sơn	UBND Xã Tây Khánh Sơn	xã Sơn Bình, Sơn Lâm, Thành Sơn, Khánh Sơn	2024-2025	02/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	914/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	90.000	90.000		81.000	9.000	9.000							
5	Kè chống sạt lở bờ sông Tô Hạp đoạn qua xã Sơn Hiệp và Sơn Bình	UBND Xã Khánh Sơn	xã Sơn Hiệp và Sơn Bình, Khánh Sơn	2024-2025	03/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	915/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	60.000	60.000		56.000	4.000	4.000							
6	Đập dâng Suối Ta Bô xã Sơn Bình	UBND xã Khánh Sơn	xã Sơn Bình, Khánh Sơn	2023-2025	33/NQ-HĐND ngày 09/10/2023; 20/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	832/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	70.000	70.000		9.500	60.500	60.500							
7	Trường THCS Tô Hạp	UBND xã Khánh Sơn	Thị trấn Tô Hạp	2024-2025	35/NQ-HĐND ngày 09/10/2023	4468/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	30.000	30.000		27.200	2.800	2.800							
8	Đập dâng Tô Hạp 1	UBND xã Khánh Sơn	thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn	2023-2025	34/NQ-HĐND ngày 09/10/2023	3663/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	50.000	50.000		46.000	4.000	4.000							
9	Kè chống sạt lở từ thôn Tả Nĩa đến đập Đầu Bò Thượng, xã Sơn Trung	UBND Xã Đông Khánh Sơn	Xã Sơn Trung	2024-2025	04/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	3963/QĐ-UBND ngày 25/9/2024	30.000	30.000		26.300	3.700	3.700							
X	Bảo vệ môi trường (trong đó có bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)									1.624.319	1.624.319		0	0	0	0	0		
	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>									1.624.319	1.624.319		0	0	0	0	0		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
1	Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	NT	2018-2025	412/HĐND ngày 13/12/2017	3829/QĐ-UBND ngày 15/12/2017; 782/QĐ-UBND ngày 22/3/2018; 1996/QĐ-UBND ngày 19/7/2022; 3201/QĐ-UBND ngày 22/12/2023; 1550/QĐ-UBND ngày 13/6/2024; 3445/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	759.516	546.733	212.783	646.565	112.951	112.951							
2	Hồ điều hòa khu vực phía Bắc thành phố Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2022-2025	106/NQ-HĐND ngày 19/10/2021		383.282	383.282		0	380.000	380.000							
3	Kè Sông Cái đoạn qua thôn Xuân Phong, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang (tên cũ: Kè Sông Cái (đoạn còn lại qua các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương))	Ban QLDA Phát triển tỉnh	xã Vĩnh Trung, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương	2025-2028	87/NQ-HĐND ngày 28/7/2021; 131/NQ-HĐND ngày 02/12/2024	1390/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	300.000			1.000	290.000	290.000							
4	Kè chống sạt lở khu vực chân núi chùa Kỳ Viên, thành phố Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	TP Nha Trang	2019-2025	QĐ 1776; 05/7/2018	QĐ 8732 19/10/2018 và các QĐ đ/c 711 13/02/2020; 37 13/01/2021; 1420 28/3/2023	14.965			261	14.000	14.000							
5	Kè chống sạt lở suối Lương Hòa, thành phố Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Xã Vĩnh Lương, TP Nha Trang	2021-2025	26/NQ-HĐND ngày 30/7/2020	QĐ 7441; 18/12/2020 và các QĐ đ/c 17034 04/11/2021; 6590 19/12/2022; 1041 29/02/2024	48.573			33.891	14.682	14.682							

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP		Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	
6	Chỉnh trị hạ lưu sông Tắc (giai đoạn II)	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	xã Vĩnh Thái, xã Phước Đông, Nha Trang	2024-2027	110/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	118/QĐ-UBND ngày 14/01/2025	600.000	600.000		105.314	494.686	494.686								
7	Kè chống sạt lở bờ tả sông Suối Dầu, đoạn qua các thôn Tân Xương 2 và Suối Lau, xã Suối Cát	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Xã Suối Cát	2024-2026	144/NQ-HĐND ngày 29/10/2024	1047/QĐ-UBND ngày 09/6/2025	70.000	70.000		1.220	68.000	68.000								
8	Kè và đường dọc bờ nam sông Cái, đoạn qua xã Diên An, huyện Diên Khánh	UBND Xã Diên Khánh	Diên An	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 15/5/2020; 16/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2447/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	325.000	100.000	70.000	71.167	250.000	250.000								
<b>XI</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>										<b>5.329.628</b>	<b>3.849.819</b>	<b>1.479.809</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>										<b>398.339</b>	<b>398.339</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Sửa chữa, nâng cấp Hồ Đá Bàn	Ban QLDA ĐTXD CCT Nông nghiệp và Giao thông	Ninh Hòa	2025-2028	124/NQ-HĐND ngày 06/11/2024		400.000	400.000		7.700	390.000	390.000								
2	Hồ sinh thái Kiên Kiên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa	2019-2025	05/NQ-HĐND ngày 19/3/2021	1771/QĐ-UBND ngày 29/10/2018; 630/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	291.488	146.956	144.532	247.619	6.000	6.000								
3	Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp Cảng cá Cà Ná	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Xã Cà Ná, tỉnh Khánh Hòa	2022-2025	3382/QĐ-BNN-KH ngày 27/7/2021	3382/QĐ-BNN-KH ngày 27/7/2021	214.000	14.000	200.000	11.661	2.339	2.339								
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</i>										<b>4.931.289</b>	<b>3.451.480</b>	<b>1.479.809</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Hồ chứa nước Sông Cạn	Ban QLDA ĐTXD CCT Nông nghiệp và Giao thông	Cam Ranh	2025-2028	758/QĐ-UBND ngày 20/3/2025		768.000	38.000	730.000	5.193	760.000	30.000	730.000							

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030								Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	
2	Hồ chứa nước Sông Bung	Ban QLDA ĐTXD CCT Nông nghiệp và Giao thông	Ninh Hòa	2025-2028	759/QĐ-UBND ngày 20/3/2025		793.000	43.191	749.809	3.442	786.809	37.000	749.809							
3	Xây dựng Kênh chuyên nước Tân Giang - Sông Biều		xã Phước Hà, tỉnh Khánh Hòa				517.446	517.446			517.000	517.000								
4	Hệ thống kênh tưới hồ Sông Than		xã Anh Dũng, xã Mỹ Sơn, xã Phước Hậu tỉnh Khánh Hòa				395.847	395.847			395.000	395.000								
5	Hồ Công Dinh		Xã Tây Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa				218.000	218.000			210.000	210.000								
6	Nâng cấp, mở rộng cảng cá Hòn Rớ		Phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa				200.000	200.000			200.000	200.000								
7	Đầu tư hạ tầng cảng cá Mỹ Tân		xã Vĩnh Hải, tỉnh Khánh Hòa				109.000	109.000			109.000	109.000								
8	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2026 -2030 tại Ban quản lý rừng PHDN liên hồ Sông Sắt – Sông Trầu		Lam phần quản lý của Ban quản lý rừng thuộc địa giới hành chính Xã Bắc Ái Đông, Bắc Ái, Công Hải				59.016	59.016			59.016	59.016								

STT	Dan mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
9	Quản lý rừng bền vững Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Giang - Thuận Nam đến năm 2030		thuộc lâm phần Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Giang- Thuận Nam				50.070	50.070		50.070	50.070								
10	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2026 -2030 tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến		Lâm phần quản lý của Công ty thuộc địa giới hành chính Xã Lâm				25.849	25.849		25.849	25.849								
11	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2026-2030 tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn		Lâm phần quản lý của Công ty thuộc địa giới hành chính xã Lâm				22.200	22.200		22.200	22.200								
12	Quản lý rừng bền vững Ban quản lý rừng phòng hộ Krôngpha đến năm 2030		Thuộc lâm phần Ban Quản lý rừng phòng hộ Krôngpha xã Suối Dầu, Xã Cam Hiệp, Xã Diên Lâm, Xã Diên Thọ, Xã Lâm				17.950	17.950		17.900	17.900								
13	Bảo vệ và phát triển rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà giai đoạn 2026-2030		Dầu, Xã Cam Hiệp, Xã Diên Lâm, Xã Diên Thọ, Xã Lâm				50.068	50.068		50.068	50.068								
14	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực lâm phần Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Trầm Hương giai đoạn 2026-2030		Lâm phần của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp				32.517	32.517		32.517	32.517								
15	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Nam Khánh Vĩnh giai đoạn 2026-2030		Khánh Vĩnh - Khánh Hòa				26.962	26.962		26.962	26.962								
16	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Cam Lâm – Cam Ranh – Khánh Sơn giai đoạn 2026 – 2030		Khu vực Cam Lâm – Cam Ranh – Khánh Sơn				14.120	14.120		14.120	14.120								

STT	Dan mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
17	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Ninh Hòa - Vạn Ninh giai đoạn 2026 – 2030		Khu vực Ninh Hòa - Vạn Ninh				14.000	14.000		14.000	14.000								
18	Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2026 -2030 tại Ban quản lý VQG Núi Chúa – Phước Bình		Lam phần quản lý của Ban quản lý VQG Núi Chúa Phước				67.778	67.778		67.778	67.778								
19	Hệ thống cấp nước ngọt vùng nuôi trồng thủy sản xã Ninh Lộc		Xã Nam Ninh Hòa				45.000	45.000		43.000	43.000								
20	Đập dâng, hệ thống kênh, đường ống cấp nước cho khu tưới thị xã Ninh Hòa và khu tưới huyện Khánh Vĩnh		Xã Trung Khánh Vĩnh, xã Tây Ninh Hoà, xã Nam Ninh Hoà và xã Tân				550.000	550.000		530.000	530.000								
21	Dự phòng hỗ trợ các công trình cấp thiết khác									1.000.000	1.000.000								
XII	<b>Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>									<b>2.800.346</b>	<b>2.800.346</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
(1)	<b>Công an tỉnh</b>								0	<b>1.635.500</b>	<b>1.635.500</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
a	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>									<b>1.178.500</b>	<b>1.178.500</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Nâng cấp hệ thống camera và thiết bị tại Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh	Công an tỉnh	Nha Trang	2023-2025	83/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	640/QĐ-UBND ngày 08/8/2025	43.984	43.984	0	43.500	43.500								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030								Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Trong đó:					Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA												
2	Nhà nghỉ dưỡng 378 - Công an tỉnh Khánh Hòa	Công an tỉnh	Cam Lâm		6086/QĐ-BCA-H01 ngày 16/7/2025		493.670 triệu đồng (trong đó: NS tỉnh hỗ trợ 250.000 triệu đồng)	250.000		50.000	200.000	200.000								
3	Công trình mặt										935.000	935.000								
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</b>										<b>457.000</b>	<b>457.000</b>								
1	Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Thắng						20.000	20.000			20.000	20.000								
2	Trụ sở làm việc Công an xã Diên Lạc						20.000	20.000			20.000	20.000								
3	Trụ sở làm việc Công an xã Diên Lâm						20.000	20.000			20.000	20.000								
4	Trụ sở làm việc Công an xã Diên Thọ						20.000	20.000			20.000	20.000								
5	Trụ sở làm việc Công an xã Cam Hiệp						20.000	20.000			20.000	20.000								
6	Trụ sở làm việc Công an xã Cam An						20.000	20.000			20.000	20.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
7	Trụ sở làm việc Công an xã Trung Khánh Vĩnh						20.000	20.000		20.000	20.000								
8	Trụ sở làm việc Công an xã Đông Khánh Sơn						20.000	20.000		20.000	20.000								
9	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở làm việc Công an xã Ninh Phước						10.000	10.000		10.000	10.000								
10	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở làm việc Công an phường Đông Hải						15.000	15.000		15.000	15.000								
11	Trụ sở làm việc Công an xã Cà Ná						20.000	20.000		20.000	20.000								
12	Trụ sở làm việc Công an phường Đô Vinh						20.000	20.000		20.000	20.000								
13	Trụ sở làm việc Công an xã Ninh Hải						20.000	20.000		20.000	20.000								
14	Trụ sở làm việc Công an xã Xuân Hải						20.000	20.000		20.000	20.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
15	Trụ sở làm việc Công an xã Vĩnh Hải						20.000	20.000		20.000	20.000								
16	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Hà						20.000	20.000		20.000	20.000								
17	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Định						20.000	20.000		20.000	20.000								
18	Trụ sở làm việc Công an xã Công Hải						20.000	20.000		20.000	20.000								
19	Trụ sở làm việc Công an xã Lâm Sơn						20.000	20.000		20.000	20.000								
20	Trụ sở làm việc Công an xã Anh Dũng						20.000	20.000		20.000	20.000								
21	Trụ sở làm việc Công an xã Mỹ Sơn						20.000	20.000		20.000	20.000								
22	Mở rộng, nâng cấp Trụ sở làm việc Công an xã Bắc Ái						10.000	10.000		10.000	10.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
23	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở làm việc Công an xã Bắc Ái Tây						10.000	10.000		10.000	10.000								
24	Mở rộng, nâng cấp Trụ sở làm việc Công an xã Phước Hữu						10.000	10.000		10.000	10.000								
25	Mở rộng, nâng cấp Trụ sở làm việc Công an xã Phước Hậu						10.000	10.000		10.000	10.000								
26	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở làm việc Công an phường Phan Rang						12.000	12.000		12.000	12.000								
(2)	<b>Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh</b>								0	<b>995.088</b>	<b>995.088</b>		0	0	0	0	0		
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>									<b>425.088</b>	<b>425.088</b>		0	0	0	0	0		
1	Xây dựng nơi ăn, nghỉ, kho, bến, bãi, khu vực neo đậu tàu thuyền cho Hải đội dân quân thường trực tỉnh Khánh Hòa	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	2024-2027	67/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	1325/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	220.505	220.505	30.000	190.000	190.000								
2	Công trình mật									235.088	235.088		0	0	0	0	0		
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</i>									<b>570.000</b>	<b>570.000</b>		0	0	0	0	0		
1	Dự án xây dựng Sở Chỉ huy thường xuyên Bộ CHQS tỉnh Khánh Hòa		Phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa				679.000	330.000	349.000	330.000	330.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
2	Dự án Trụ sở làm việc ban CHQS và nhà ở dân quân thường trực xã, phường		Xã, phường, thị trấn tỉnh Khánh Hòa				240.000	240.000		240.000	240.000								
(3)	<b>Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh</b>									<b>169.758</b>	<b>169.758</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>									<b>40.758</b>	<b>40.758</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Đóng mới Xuồng tuần tra Đồn biên phòng Bích Đàm (PH388)	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Nha Trang	2023-2025	40/NQ-HĐND ngày 14/4/2021; 11/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	1147/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	13.500	13.500	438	12.758	12.758								
2	Công trình mặt									28.000	28.000		0	0	0	0	0		
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</i>									<b>129.000</b>	<b>129.000</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Xây dựng Trạm KSBP Cầu Bông		Phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa				12.000	12.000		12.000	12.000								
2	Xây dựng Trạm KSBP Bình Ba		Xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa				15.000	15.000		15.000	15.000								
3	Xây dựng Trạm KSBP Cù Hìn		Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa				15.000	15.000		15.000	15.000								
4	Sửa chữa cải tạo Đồn BP Bích Đàm; Trạm KSBP Hòn Mun + Bích Đàm		phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa				18.000	18.000		18.000	18.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
5	Sửa chữa, cải tạo doanh trại Đồn Cầu Bồng (372)		Phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa				15.000	15.000		15.000	15.000								
6	Xây dựng nâng cấp Trạm KS Cửa khẩu cảng Cam Ranh		Phường Cam Linh; tỉnh Khánh Hòa				15.000	15.000		15.000	15.000								
7	Sửa chữa, cải tạo các hạng mục nhà ở CBCS, nhà khách, nhà trực ban Đồn Biên phòng Thanh Hải và xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Mỹ Tân		xã Vĩnh Hải, tỉnh Khánh Hòa				12.000	12.000		12.000	12.000								
8	Xây dựng mới Nhà Ban Chi huy, nhà trực ban và mua sắm trang thiết bị cho Bến cập tàu Hải đội 2		Phường Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa				12.000	12.000		12.000	12.000								
9	Sửa chữa, cải tạo doanh trại Đồn Biên phòng Đông Hải (412)		Phường Phước Dinh, tỉnh Khánh Hòa				15.000	15.000		15.000	15.000								
XIII	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>									<b>906.000</b>	<b>906.000</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</i>									<b>906.000</b>	<b>906.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
a	<b>Cấp tỉnh quản lý</b>									<b>704.000</b>	<b>704.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
1	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị - Công viên – Trung tâm hành chính	Ban QLDA Phát triển tỉnh		2025-2027	1660/QĐ-UBND ngày 17/6/2025		654.300	654.300		600	650.000	650.000							
2	Hệ thống điện chiếu sáng trên tuyến Quốc lộ 1 (đoạn từ cầu Núi Đát (Km1422+568) đến khu du lịch Long Phú (Km1437+400), thị xã Ninh Hoà)		Xã Tân Định, xã Nam Ninh Hoà và phường Hoà Thăng				24.063	24.063			24.000	24.000							
3	Xử lý các nguồn ô nhiễm nước thải của hệ thống thoát nước trên địa bàn Nha Trang (Giai đoạn 1)		Phường Tây Nha Trang, Bắc Nha Trang, Nam Nha Trang				30.515	30.515			30.000	30.000							
<b>b</b>	<b>Hỗ trợ cấp xã</b>										<b>202.000</b>	<b>202.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Nghĩa trang Bắc Vân Phong		xã Tu Bồng				130.000	130.000			130.000	130.000							
2	Cải tạo hệ thống thu gom nước thải các tuyến đường chính		Phường Phan Rang				72.420	72.420			72.000	72.000							
<b>XIV</b>	<b>Văn hóa, thể thao</b>										<b>44.600</b>	<b>44.600</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>										<b>44.600</b>	<b>44.600</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Tu bổ di tích đình Đảnh Thạnh, xã Bình Lộc, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Diên Khánh	2024-2026	149/NQ-HĐND ngày 02/12/2024	1812/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	3.500	3.500		200	3.300	3.300							
2	Tu bổ di tích Đình Tân Mỹ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Vạn Ninh	2024-2026	151/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 160/NQ-HĐND ngày 12/12/2024		3.900	3.900		0	3.900	3.900							

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)		
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP					
3	Tu bổ di tích đình Quảng Hội, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Vạn Ninh	2024-2026	144/NQ-HĐND ngày 02/12/2024		4.000	4.000		200	3.800	3.800									
4	Tu bổ di tích đình Hiền Lương, xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Vạn Ninh	2024-2026	145/NQ-HĐND ngày 02/12/2024		4.000	4.000		200	3.800	3.800									
5	Tu bổ di tích đình Bình Tân, phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nha Trang	2024-2026	146/NQ-HĐND ngày 02/12/2024		6.200	6.200		200	6.000	6.000									
6	Tu bổ di tích đình Đồng Nhơn, xã Vĩnh Trung, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nha Trang	2024-2026	147/NQ-HĐND ngày 02/12/2024		5.505	5.505		200	5.300	5.300									
7	Tu bổ di tích đình Trường Thành, xã Diên Thanh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Diên Khánh	2024-2026	148/NQ-HĐND ngày 02/12/2024		4.500	4.500		200	4.300	4.300									
8	Tu bổ di tích đình Phước Tuy, xã Diên Phước, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Diên Khánh	2024-2026	150/NQ-HĐND ngày 02/12/2024		3.500	3.500		200	3.300	3.300									
9	Tu bổ di tích đình Ngọc Hội, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nha Trang	2024-2026	159/NQ-HĐND ngày 12/12/2024		6.540	6.540		200	6.300	6.300									
10	Tu bổ di tích đình Võ Cạnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nha Trang	2024-2025	161/NQ-HĐND ngày 12/12/2024	502/QĐ-UBND ngày 30/7/2025	4.800	4.800		200	4.600	4.600									
XV	<b>Quản lý nhà nước</b>										<b>2.993.000</b>	<b>2.993.000</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
a	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>										<b>1.967.000</b>	<b>1.967.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
1	Trụ sở chung cho các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trụ sở chung cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và Hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Khánh Hòa		Nha Trang	2024-2027	78/NQ-HĐND ngày 13/9/2024		1.867.000	1.867.000		1.850.000	1.850.000		0	0	0	0	0		
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Trụ sở chung cho các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trụ sở chung cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và Hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Khánh Hòa	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang		78/NQ-HĐND ngày 13/9/2024		1.654.624	1.654.624		5.348	1.640.000	1.640.000							
-	Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng phục vụ dự án xây dựng Trụ sở chung cho các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trụ sở chung cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Khánh Hòa	Trung tâm PTQĐ tỉnh	Nha Trang	2024-2027	78/NQ-HĐND ngày 13/9/2024	1418/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	212.376	212.376		2.000	210.000	210.000							
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Hội nghị 46 Trần Phú	Văn phòng UBND tỉnh	Nha Trang	2024-2026	107/NQ-HĐND ngày 13/9/2024	392/QĐ-UBND ngày 19/02/2025	74.569	74.569		23.452	52.000	52.000							

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP				
3	Mua sắm máy móc, thiết bị văn phòng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban QLDA Phát triển tỉnh		2025-2026	1549/QĐ-UBND ngày 09/6/2025		175.328	175.328		100.500	65.000	65.000								
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn</b>										<b>1.026.000</b>	<b>1.026.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn		P.Bảo An				26.000	26.000			26.000	26.000								
2	Xây dựng trụ sở các cơ quan xã đảm bảo hoạt động của chính quyền 02 cấp										1.000.000	1.000.000								
<b>XVI</b>	<b>Đảm bảo xã hội</b>										<b>88.000</b>	<b>88.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030</b>										<b>88.000</b>	<b>88.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Nâng cấp, tôn tạo tổng thể Nghĩa trang liệt sĩ Hòn Dung		Nghĩa trang liệt sĩ Hòn Dung				70.000	70.000			70.000	70.000								
2	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện 03 pha tại Nghĩa Trang Liệt sĩ Ninh Thuận						1.000	1.000			1.000	1.000								
3	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị tại Trung tâm Điều dưỡng và Chăm sóc Người có công tỉnh Khánh Hoà						17.226	17.226			17.000	17.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Dự kiến trung hạn giai đoạn 2026-2030							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn NSDP	Vốn TW hỗ trợ (theo số TB của Bộ Tài chính)	Vốn TW hỗ trợ (ngoài số TB của Bộ Tài chính)	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP			
XVII	Trả nợ quyết toán									100.000	100.000								
XVIII	Các nhiệm vụ, chính sách đầu tư công khác theo quy định									6.180.800	6.180.800		0	0	0	0	0		
1	Hỗ trợ cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng (đối với các dự án đã ký hợp đồng vay giai đoạn 2021-2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030)									45.000	45.000								
2	Vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh									600.000	600.000								
3	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa									5.535.800	5.535.800								
XIX	Nguồn chưa phân bổ									2.429.657	2.429.657								
B	NGÂN SÁCH CẤP XÃ QUẢN LÝ									13.528.025	13.528.025								